

**KẾT QUẢ THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**  
**Năm học 2009 - 2010**  
**Đơn vị: KHOA LÂM HỌC**

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	
1	Vĩ Văn Viện	GV											1									20	
2	Nguyễn Hoàng Hương	GV	1																			30	
3	Vũ Nhân	PGS,GVC									1											100	
4	Vũ Tiên Hinh	GS,GVCC						1			1											260	
5	Vũ Thế Hồng	GV								1			2									55	
6	Nguyễn Trọng Bình	GVC	1										2									70	
7	Đào Thị Hoa Hồng	GV											1									20	
8	Vĩ Việt Đức	GV											1									20	
9	Phạm Thế Anh	GV	1							1			1									65	Đi học không TT
10	Lê Tuấn Anh	GV	1							1			1									65	Đi học không TT
11	Nguyễn Duy Thịnh	GV								2												30	
12	Cao Thị Thu Hiền	GV		1						1												55	
13	Hồ Văn Giảng	GVC						1			1		1									220	
14	Vũ Thị Huệ	KSHDTH	2				1					1										160	
15	Bùi Văn Thắng	GV	1					1		1			2									155	
16	Vũ Kim Dung	GV								1			1									35	Th.sản-Con nhỏ<24t
17	Nguyễn Như Ngọc	GV											1									20	Đi học không TT
18	Hà Bích Hồng	GV								1			1									35	Th.sản-Con nhỏ<24t
19	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	4				1			3		1										285	
20	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSHDTH	1				1			3			1									145	
21	Khuất Thị Hải Ninh	GV	1	1									1									90	
22	Hồ Hải Ninh	GV		1				1					1									75	
23	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV								1												15	Đi học không TT
24	Nguyễn Trọng Trí	GV	1					1														45	
25	Nguyễn Quỳnh Trang	GV		1																		40	
26	Vũ Đại Dương	GV										1										70	
27	Lê Xuân Trường	GV	1										1									80	
28	Đỗ Anh Tuấn	GV	3							1	1		2									215	
29	Trần Thị Yên	GV											1									20	Đi học không TT
30	Phạm Thị Huyền	GVC	5						1	1												205	
31	Phạm Thị Hạnh	GV	1																			30	
32	Trần Thị Mai Sen	GV	1																			30	
33	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV		1																		40	
34	Phạm Thị Hạnh	GV		1																		40	
35	Vũ Thị Hường	GV		1																		40	
36	Nguyễn Đình Hải	GV	2					1		1												145	
37	Trần Bình Đà	GV	3	1									1						3			210	
38	Phạm Quang Vinh	GV			1								1									70	Đi học không TT
39	Bùi Thị Cúc	GV	4	1																		160	
40	Cần Văn Thắm	GV	2																			60	
41	Kiều Trí Đức	GV	4	1																		160	
42	Phạm Thanh Tú	GV	1	1																		70	
43	Trịnh Hải Vân	GV	3	1																		130	
44	Đông Thị Thanh	GV		1																		40	Th.sản-Con nhỏ<24t
45	Hoàng Thị Minh Huệ	GV		1																		40	Đi học không TT
46	Phùng Văn Phê	GV						2		1									2			195	
47	Nguyễn Thị Thơ	GV		1			1			2												85	Th.sản-Con nhỏ<24t
48	Bùi Thị Mai Hương	GV		1					1													80	
49	Nguyễn Thị Khánh	GVC		2						1												95	
50	Phạm Quang Chung	GV		1																		40	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	
51	Vũ Tiên Hưng	KSHDTH	1							1		1	1									115	
52	Đỗ Thị Quê Lâm	KSHDTH					1			1												30	
53	Lê Thị Khiêu	KSHDTH							1													40	Th.sản-Con nhỏ<24t
54	Nguyễn Văn Thanh	KSHDTH				1																50	
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>4</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>25</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>4,695</b>		

#### Ghi chú

- Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động khoa học nghiên cứu khoa học; bài báo trên thông tin khoa học của Trường (cấp Trường), tạp chí trong nước, tạp chí nước ngoài.
- Chủ trì đề tài, Thư ký, Chủ trì đề tài nhánh đối với đề tài cấp Nhà nước; Chủ trì đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở, cấp Trường được tính theo từng đối tượng (GS, GVCC: 130 giờ; PGS, GVC: 100 giờ; GV: 70 giờ; GVGDQP: 90 giờ; GVGDTC: 70 giờ; KS, KS HDTH: 50 giờ; Trợ giảng: 50 giờ; Thử việc: 30 giờ.).
- Về chế độ miễn giảm:
  - Giảng viên kiêm giảng được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học theo định mức.
  - Cán bộ được cử đi học dài hạn hay đi học tập trung (1 năm trở lên, có quyết định của Hiệu trưởng) được miễn 100% số giờ hoạt động khoa học; cán bộ là nghiên cứu sinh, học viên cao học không tập trung và cán bộ tham gia các lớp học ngắn hạn (từ 6 tháng đến 1 năm, có quyết định của Hiệu trưởng trường ĐHLN) được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học.
  - Cán bộ nghỉ thai sản và có con nhỏ dưới 24 tháng được miễn giảm 20 giờ KHCN.
- Phòng KHCN&HTQT chỉ tính chế độ miễn giảm này đối với những cán bộ thuộc diện trên do Phòng TCCB cung cấp. Đề nghị các cán bộ thuộc các đối tượng trên chưa được tính theo chế độ này liên hệ trực tiếp với Phòng KHCN&HTQT để được tính chế độ miễn giảm giờ hoạt động khoa học cho năm học 2009-2010.